

Số: 31 /KH-TH

Quận 8, ngày 03 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thu, chi tiền học phí và các khoản thu thỏa thuận, thu hộ chi hộ năm học 2022-2023

Căn cứ Công văn số 2987/SGDDT-KHTC ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2022-2023 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 2011/UBND-PGDĐT ngày 26 tháng 09 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc chấp thuận thu học phí và các khoản thu thỏa thuận, thu khác của các cơ sở giáo dục công lập năm học 2022-2023;

Công văn số 4791/HDLS/BHXXH-GDDT ngày 23/08/2022 của Liên tịch Sở Giáo dục và Đào tạo, Bảo hiểm xã hội TP HCM về việc thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2022 - 2023;

Căn cứ Nghị Quyết Đại hội Ban đại diện cha mẹ học sinh năm học 2022-2023 ngày 02/10/2022 của Ban Đại diện cha mẹ học sinh trường Tiểu học Thái Hưng;

Căn cứ Biên bản họp phụ huynh học sinh ngày 30/09/2022 về việc thỏa thuận thống nhất các khoản thu của năm học 2022-2023.

Trường Tiểu học Thái Hưng xây dựng Kế hoạch thu, chi tiền học phí và các khoản thu khác năm học 2022-2023 như sau:

Nội dung:

I/ Các khoản thu bắt buộc

a) Học phí: Không thu

b) Bảo hiểm y tế học sinh:

Số TT	Nội dung thu	Mức thu theo khung quy định	Mức thu	Tổng thu	Nội dung chi
1	Bảo hiểm y tế học sinh	46.935 đ/th x số tháng	46.935 đ/th x số tháng 563.220 đồng/năm	* Thời gian sử dụng từ tháng bắt đầu tham gia đến 31/12/2023 (Khối 1) * Thời gian sử dụng từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 (Khối 2,3,4,5)	Chi nộp hết Bảo hiểm xã hội Quận 8

II/ Các khoản thu theo thỏa thuận:

Số TT	Nội dung thu	Mức thu theo khung quy định	Mức thu theo thỏa thuận của trường	Tổng thu	Nội dung chi
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày - Khối 4, 5 bán trú (hs/tháng)	Không quá 90.000 đ	90.000 đ	$90.000 \times 100 = 90.000.000$ đ	* Chi thuê TNDN: 2% * Chi tiền giáo viên trực tiếp dạy lớp 2 buổi/ngày: 65% * Chi bộ phận quản lý 15%: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, kế toán, thủ quỹ, nhân viên thu tiền, PV, BV. * Trích 40% thực hiện nguồn cải cách tiền lương sau khi trừ các chi phí liên quan.
2	Tiền tổ chức dạy Anh văn bổ trợ - khối 1, 2, 3 (hs/tháng)		200.000 đ	$200.000 \times 300 = 60.000.000$ đồng/tháng	* Chi thuê TNDN: 2% * Chi tiền hợp đồng công ty Nhân Văn Đại Việt: 168.000 đ/hs x 300hs * Chi bộ phận quản lý (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, kế toán, thủ quỹ, giáo viên quản lý trực tiếp): 20.000 đ/hs x 300 hs. * Trích 40% thực hiện nguồn cải cách tiền lương sau khi trừ các chi phí liên quan.
3	Tiền tổ chức dạy Anh văn tăng cường (toán - khoa) - khối 1, 2, 3 (hs/tháng)		100.000 đ	$100.000 \times 300 = 30.000.000$ đồng/tháng	* Chi thuê TNDN: 2% * Chi tiền hợp đồng công ty Nhân Văn Đại Việt: 84.000 đ/hs x 300hs * Chi bộ phận quản lý (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, kế toán, thủ quỹ, giáo viên quản lý trực tiếp): 10.000 đ/hs x 300 hs. * Trích 40% thực hiện nguồn cải cách tiền lương sau khi trừ các chi phí liên quan.
4	Tiền tổ chức dạy Anh văn tự chọn - Khối 4, 5(hs/tháng)	50.000 đ -> 100.000 đ	100.000 đ (4tiết/ tuần)	$50.000 \times 100 = 5.000.000$ đồng/tháng	* Chi thuê TNDN: 2% * Chi tiền hợp đồng công ty Nhân Văn Đại Việt: 42.000 đ/hs x 100hs * Chi bộ phận quản lý (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, kế toán, thủ quỹ, giáo viên quản lý trực tiếp): 5.000 đ/hs x 100 hs * Trích 40% thực hiện nguồn cải cách tiền lương sau khi trừ các chi phí liên quan

	Tiền tổ chức dạy Anh văn người nước ngoài- Khối 1, 2, 3, 4, 5 (hs/tháng)	50.000 đ -> 100.000 đ	100.000 đ (4tiết/tháng)	$100.000 \times 780 = 78.000.000$ đồng/tháng	* Chi thuê TNDN: 2% * Chi tiền hợp đồng công ty Nhân Văn Đại Việt: 84.000 đ/hs x 780hs * Chi bộ phận quản lý (Hiệu trưởng, kế toán, thủ quỹ, giáo viên quản lý trực tiếp): 10.000đ/hs x 780hs. * Trích 40% thực hiện nguồn cải cách tiền lương sau khi trừ các chi phí liên quan.
6	Tiền tổ chức kỹ năng sống (hs/tháng)		60.000 đồng	$60.000 \times 780 = 46.800.000$ đồng/tháng	* Chi thuê TNDN: 2% * Chi tiền hợp đồng công ty Giáo dục Quốc tế GAIA: 40.000 đ/hs x 780hs * Chi bộ phận quản lý (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, kế toán, thủ quỹ, nhân viên thu tiền, PV, BV, nhân viên): 3.000 đ/hs x 780hs * Chi giáo viên: 400.000đ/tháng x 18 người * Trích 40% thực hiện nguồn cải cách tiền lương sau khi trừ các chi phí liên quan.
7	Tiền tổ chức dạy Tin học tự chọn (hs/tháng) khối 1,2,3,4,5	50.000 đ -> 100.000 đ	50.000 đ	$50.000 \times 780 = 39.000.000$ đồng/tháng	* Chi thuê TNDN: 2% * Chi tiền hợp đồng thỉnh giảng: 60.000 đ/tiết x tiết phát sinh thực tế * Chi bộ phận quản lý (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, kế toán, thủ quỹ, nhân viên thu tiền, PV, BV, nhân viên): 7.500 đ/hs x 780hs * Chi giáo viên chủ nhiệm : 5.000 đ/hs x 780hs * Trích 40% thực hiện nguồn cải cách tiền lương sau khi trừ các chi phí liên quan.
8	Tiền tổ chức phục vụ và quản lý bán trú không tổ chức bếp ăn (hs/tháng)	Không quá 120.000 đ	120.000 đ	$120.000 \times 570 = 68.400.000$ đồng/tháng	* Chi thuê TNDN: 2% * Chi tiền lương bảo mẫu: 5.746.221 x 9 người = 51.715.989 đ * Chi tiền hỗ trợ phục vụ lớp thứ 2: 600.000 đ x 6 người = 3.600.000 đ 1.000.000 đ x 1 người = 1.000.000 đ 1.200.000 đ x 2 người = 2.400.000 đ * Chi bộ phận quản lý (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, kế toán, thủ quỹ, giáo viên hỗ trợ quản lý, nhân viên): 12.000đ/hs x 570hs. * Trích 40% thực hiện nguồn cải cách tiền lương sau khi trừ các chi phí liên quan.

9	Tiền vệ sinh bán trú (hs/tháng)	Không quá 20.000	20.000đ	$20.000 \times 570 = 11.400.000$ đồng/tháng	* Chi mua đồ dùng, vật dụng vệ sinh * Chi trả tiền rác * Tiền vệ sinh môi trường * Hỗ trợ chi trả tiền nước
10	Thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú (hs/HK)	Không quá 200.000	200.000 đ	$200.000 \times 570 = 114.000.000$ đồng/HK	* Trang bị các đồ dùng cho HS như: Chiếu, khăn, ly, bàn ghế ăn, bàn chải đánh răng, kem đánh răng,..... * Bổ sung các thiết bị, vật dụng sử dụng cho lớp học bán trú

III Các Thu hộ - chi hộ phục vụ học sinh:

Số TT	Nội dung thu	Mức thu theo khung quy định	Mức thu	Tổng thu	Nội dung chi
1	Tiền ăn bán trú (hs/ngày)	Không quá 30.000 đ	30.000 đồng	$570 \text{ hs} \times 30.000 \text{ đồng/hs/ngày} \times \text{số ngày thực tế trong tháng}$	* Tiền ăn trưa (bao gồm món canh, món mặn, xào, trái cây) theo thực đơn 40 ngày: 24.000đ/ngày/học sinh * Tiền ăn xế theo thực đơn 40 ngày: 5.000đ/ngày/học sinh * Chi nước uống Lavie : 1.000đ/ngày/học sinh
2	Tiền Nha học đường (nha di động)(hs/năm)		10.000 đồng	$10.000 \times 780 = 7.800.000$ đồng/năm	* Chi trả tiền công khám chữa răng lưu động 2 đợt cho học sinh
3	Tiền ấn chi đề kiểm tra (hs/năm)		10.000 đồng	$10.000 \times 780 = 7.800.000$ đồng/năm	* Chi photo đề kiểm tra, giấy thi, ... và các chi phí liên quan.
4	Tiền ấn chi hồ sơ học sinh (học bạ - Khối 1) (hs/năm)		12.000 đồng	$12.000 \times 190 = 2.280.000$ đồng/năm	* Chi tiền học bạ : 12.000 đ/hs
5	Phổ cập bơi (khối 3, 4, 5) (hs/khoá)		180.000 đồng (khóa/12 buổi)	$180.000 \times 170 = 30.600.000$ đồng/khoá	* Chi tiền học bơi cho Trung tâm Thể dục Thể thao Quận 8.

IV/ Thời gian thực hiện:

- * Các khoản thu 1 học kỳ được thu vào tháng 10 và tháng 11 năm 2022.
- * Các khoản thu hàng tháng được thông báo vào sổ và phát về cho phụ huynh vào đầu mỗi tháng .
- * Các khoản thu hàng tháng cha mẹ học sinh sẽ nộp vào tài khoản của trường theo kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 24/09/2020 của Ủy Ban nhân dân Quận 8 về

triển khai thực hiện phần mềm “Quản lý trường học thông minh” thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Quận 8.

Trên đây là Kế hoạch thu, chi tiền học phí và các khoản thu khác năm học 2022-2023 của Trường Tiểu học Thái Hưng./.

